

Số: /BVNT-D-TTBYT
V/v mời báo giá vật tư, hóa chất
tháng 8/2023

Bắc Giang, ngày 08 tháng 08 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất bổ sung năm 2023 (lần 3) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang (địa chỉ: xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Nguyễn Thúy Liên- khoa Dược – TTBYT Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện Thoại : 0989620013

Email : baogiabvntbg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận báo giá **đồng thời** bằng 2 cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược – TTBYT Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang (địa chỉ: xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang_)

- Nhận qua email: baogiabvntbg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 09 tháng 08 năm 2023 đến trước 15h ngày 21 tháng 08 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ 15h ngày 21 tháng 08 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục các vật tư yêu cầu theo phụ lục gửi kèm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- *Địa chỉ cung cấp: tại kho của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.*

- *Yêu cầu về vận chuyển bảo quản: hàng hóa được bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, giao hàng tại kho của bên mua, mọi chi phí trong quá trình vận chuyển do bên bán chịu, bên mua không phải trả thêm chi phí nào khác.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Hàng hóa được giao thành từng đợt, cung cấp trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mua.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không áp dụng

- Thanh toán: thanh toán thành từng đợt theo khối lượng hàng hóa đã cung cấp, thanh toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán.

Mẫu báo giá các đơn vị thực hiện theo biểu mẫu gửi kèm yêu cầu báo giá dưới đây.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo đơn vị,
- Đăng tải website bệnh viện, website Sở Y tế,
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Hoàng Xuân Thúc

MẪU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, hóa chất như sau:

1. Báo giá cho các vật tư, hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư, hóa chất ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Thông số kỹ thuật đề xuất ⁽¹³⁾

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

(13) Trong trường hợp thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu đề xuất có khác biệt một phần so với thông số kỹ thuật mời chào hàng dẫn đến sự chênh lệch về giá cả so với mặt bằng chung của thị trường, nhà thầu điền thông tin thông số kỹ thuật hàng hóa báo giá vào cột này. Trường hợp hàng hóa đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu báo giá mà không có sự khác biệt dẫn đến chênh lệch giá cả so với mặt bằng chung của thị trường thì không cần điền cột này.

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY MIỄN DỊCH IMMULITE 1000				
1	Hóa chất định lượng Cortisol	Loại mẫu xét nghiệm: huyết thanh Phạm vi phân tích: 1–50 µg/dL (28–1380 nmol/L)	Test	300
2	Vật liệu kiểm soát 3 mức nồng độ xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, 3 mức nồng độ, dạng hộp nhỏ	ml	60
3	Hóa chất định lượng Thyroglobulin (Tg)	Loại mẫu xét nghiệm: huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông heparin Phạm vi phân tích: Tối đa 300 ng/mL (455 pmol/L)	Test	300
II HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY MIỄN DỊCH LIAISON XL				
1	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Chất môi phản ứng	ml	41.400,00
2	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch kiểm tra hệ thống, dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch, thành phần: hộp chứa: 10x3,5ml+2 integrated	Hộp	12,00
3	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch (để kiểm tra tính hợp lệ của hóa chất môi phản ứng và hoạt động của bộ phận đo và hút mẫu, dạng bột đông khô)	Dung dịch kiểm tra hệ thống	ml	24,00
4	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa hệ thống, sử dụng để rửa giữa các xét nghiệm miễn dịch	ml	48.000,00
5	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Xét nghiệm định lượng TSH	Test	30.000,00
6	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Xét nghiệm định lượng T3	Test	7.500,00
7	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Xét nghiệm định lượng FT4	Test	30.000,00
III HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC				

1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức thường Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	6,00
2	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức thấp Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	6,00
3	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức cao Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	6,00
4	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để hiệu chuẩn máy	Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	4,00
IV	VẬT TƯ, HÓA CHẤT PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM MÁY SINH HÓA			
1	Rotor dùng cho máy sinh hóa BA400	Bằng nhựa	Chiếc	20
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người. Thành phần thuốc thử: hạt latex được phủ kháng thể kháng CRP người	ml	50
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ferritin mẫu huyết thanh người	ml	45
4	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 2	ml	3
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 8,5 - 500 U/L. Thành phần: Thuốc thử A gồm Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3 Thuốc thử B gồm NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L	ml	3600
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 7,15 - 500 U/L. Thành phần: Thuốc thử A gồm: Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8 Thuốc thử B gồm: NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L	ml	3600

7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase; Dải đo: 4,2 - 1000 mg/dL (0,109 - 26 mmol/L). Thành phần gồm Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0	ml	6000
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Dải đo: 6 - 140 mmol/mol, phương pháp đo: DIRECT. Thành phần: Thuốc thử A gồm: Hỗn dịch hạt latex, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0 và thuốc thử B gồm Kháng thể kháng HbA1C người, chất ổn định, pH 6,0	ml	180
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase; Dải đo: 0,067 - 6,78 mmol/L. Thành phần gồm: Thuốc thử chứa: đệm Pipes 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0	ml	6000
V	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI MÁY RAPIDCHEM 744			
1	Điện cực Natri	Điện cực Na dùng để đo điện giải	Chiếc	1
2	Điện cực Kali	Điện cực K dùng để đo điện giải	Chiếc	1
3	Điện cực Clo	Điện cực Cl dùng để đo điện giải	Chiếc	1
4	Điện cực chuẩn	Điện cực tham chiếu dùng để đo điện giải	Chiếc	1
5	Hóa chất chạy mẫu	Hiệu chuẩn mức A: 960ml (giá trị đo: Na+ 140 mmol/L; K+ 4.0 mmol/L, Cl- 125mmol/L); Hiệu chuẩn mức B 500ml (giá trị đo: Na+ 70mmol/L; K+ 8.0 mmol/L, Cl- 41mmol/L, dung môi, chất bảo quản, chất làm ẩm)	Hộp	4
6	Nước rửa máy	Dung dịch sử dụng để chạy rửa đường ống nhằm loại bỏ protein bám trên màng điện cực	MI	200
CỘNG: 29 khoản				